

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2025

CHỦ TỊCH LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-UB ngày 07/02/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc thành lập Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh Tiền Giang;

Căn cứ Quyết định số 867/QĐ-UBND ngày 16 tháng 04 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2025;

Theo đề nghị của Tổng thư ký Liên hiệp Hội,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phân bổ dự toán bổ sung chi ngân sách năm 2025 cho đơn vị Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Tiền Giang theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán bổ sung chi ngân sách năm 2025 được phân bổ, Thủ trưởng đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Thường trực Liên hiệp Hội, Tổng thư ký, văn phòng, bộ phận nghiệp vụ Liên hiệp Hội căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính tỉnh;
- KBNN tỉnh;
- Lưu: VP.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Khang



PHÂN BỐ DỰ TOÁN BỔ SUNG CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo quyết định số: 26 /QĐ-LHH ngày 21 /04/2025 của Chủ tịch
Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Tiền Giang)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng	
			Liên hiệp các Hội KH&KT	
			Loại 100 Khoản 103	Loại 340 Khoản 362
A	B	I	2	3
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
1	Số thu phí, lệ phí			
1.1	Lệ phí			
1.2	Phí			
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại			
2.1	Chi sự nghiệp			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
2.2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ			
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN			
3.1	Lệ phí			
3.2	Phí			
II	Các khoản thu sự nghiệp (nếu có)			
	Chi tiết theo từng khoản thu			
III	Thu khác (bao gồm thu phạt vi phạm hành chính)			
	Trong đó: thu phạt vi phạm hành chính			
IV	Dự toán chi ngân sách nhà nước	39.926.250		39.926.250
1	Chi quản lý hành chính	39.926.250		39.926.250
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ			



STT	Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng	
			Liên hiệp các Hội KH&KT	
			Loại 100 Khoản 103	Loại 340 Khoản 362
A	B	I	2	3
	<i>Trong đó: 10% tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương</i>			
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	39.926.250		39.926.250
	- Các khoản phụ cấp (PC công vụ)	39.926.250		39.926.250
2	Nghiên cứu khoa học (cấp huyện không có nội dung này)			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng			
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
	<i>Trong đó, kinh phí của các nhiệm vụ chi chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt</i>			
3	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ			
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
	<i>Trong đó: 10% tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương</i>			
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN	1027366	1027366	1027366
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch	0573	0573	0573

